

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Đạo	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên
Ông Thâm Hồng Sơn	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 03/02/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được lập ngày 03 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2020, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 2,8 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chi tiêu Vốn chủ sở hữu âm 28,9 tỷ đồng. Những dấu hiệu này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 14 tháng 02 năm 2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.892.993.701	21.795.790.194
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.607.608.690	1.304.368.505
111	1. Tiền		1.607.608.690	1.304.368.505
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.628.032.156	19.823.789.178
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.255.873.276	17.350.980.986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		25.000.000	44.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.662.542.188	2.776.191.500
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(315.383.308)	(347.383.308)
140	IV. Hàng tồn kho	8	127.833.994	42.404.721
141	1. Hàng tồn kho		127.833.994	42.404.721
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		529.518.861	625.227.790
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	505.552.895	625.227.790
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		23.965.966	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.946.145.420	33.785.926.153
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1.200.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	1.200.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.383.813.492	2.204.300.566
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.383.813.492	2.204.300.566
222	- Nguyên giá		18.646.028.314	18.646.028.314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.262.214.822)	(16.441.727.748)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		71.580.000	71.580.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.580.000)	(71.580.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	29.454.799.954	30.229.926.269
231	- Nguyên giá		36.430.936.788	36.430.936.788
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.976.136.834)	(6.201.010.519)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		473.212.674.000	473.212.674.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		107.531.974	151.699.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	107.531.974	151.699.318
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.839.139.121	55.581.716.347

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	Đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		76.746.152.616	85.130.757.641
310	I. Nợ ngắn hạn		19.695.457.790	25.990.857.375
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	16.958.874.615	21.808.061.153
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	134.228.717	71.678.651
314	3. Phải trả người lao động		366.447.778	687.284.113
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	428.256.660	519.291.764
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	1.660.948.776	1.660.948.776
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	144.979.952	1.241.871.626
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.721.292	1.721.292
330	II. Nợ dài hạn		57.050.694.826	59.139.900.266
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		15.595.589.962	16.023.846.622
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	41.455.104.864	43.116.053.644
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(28.907.013.495)	(29.549.041.294)
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	(28.907.013.495)	(29.549.041.294)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		365.050.000.000	365.050.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		365.050.000.000	365.050.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.500.000.000	11.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.340.736.096	2.340.736.096
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		163.000.000	163.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(407.960.749.591)	(408.602.777.390)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(408.602.777.390)	(407.628.219.476)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		642.027.799	(974.557.914)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.839.139.121	55.581.716.347

Vũ Thị An
Người lập

Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	45.875.048.538	59.102.762.229
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.875.048.538	59.102.762.229
11	4. Giá vốn hàng bán	21	40.649.865.471	54.635.242.410
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.225.183.067	4.467.519.819
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	110.831.655	196.897.663
22	7. Chi phí tài chính	23	32.010.652	84.705.209
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29.393.205	71.010.652
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.922.682.938	5.742.626.741
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		381.321.132	(1.162.914.468)
31	11. Thu nhập khác	25	390.699.789	386.578.403
32	12. Chi phí khác	26	5.977.977	21.057.357
40	13. Lợi nhuận khác		384.721.812	365.521.046
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		766.042.944	(797.393.422)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	124.015.145	177.164.492
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		642.027.799	(974.557.914)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		(27)



Vũ Thị An
Người lập



Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		766.042.944	(797.393.422)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.595.613.389	1.661.869.855
03	- Các khoản dự phòng		(32.000.000)	(10.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(23.825)	(97.854)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.221.338)	(3.826.662)
06	- Chi phí lãi vay		29.393.205	71.010.652
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.355.804.375	921.562.569
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.403.839.577	4.068.164.310
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(85.429.273)	344.711.419
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.464.329.047)	(5.787.881.231)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		163.842.239	197.389.663
14	- Tiền lãi vay đã trả		(29.393.205)	(71.010.652)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.291.123)	(177.164.492)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		300.043.543	(504.228.414)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(951.053.091)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.221.338	3.826.662
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.221.338	(947.226.429)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.282.531.543	3.202.294.025
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.282.531.543)	(3.202.294.025)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		303.264.881	(1.451.454.843)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.304.368.505	2.755.831.149
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(24.696)	(7.801)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.607.608.620	1.304.368.505




Vũ Thị An
Người lập



Đỗ Vũ Linh
Kế toán trưởng




Phạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 365.050.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 365.050.000.000 đồng; tương đương 36.505.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 44 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 45 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2020, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 2,8 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu âm 28,9 tỷ đồng. Những dấu hiệu này cho thấy có yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT). Ban Tổng giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và cho rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong năm 2020, do chịu ảnh hưởng từ tác động của COVID-19, hoạt động kinh doanh của Công ty bị sụt giảm mạnh. Điều này làm cho các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn năm 2020 của Công ty giảm mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, do việc tiết giảm mạnh các chi phí đầu vào nên kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty đã có lãi so với năm 2019, chi tiết tại các Thuyết minh số 20, 21 và 24.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm kế toán	03-05 năm

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	47 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí tiền thuế đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19 tháng 06 năm 2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14, Công ty thuộc đối tượng giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	218.522.247	170.041.192
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.389.086.443	1.134.327.313
	<u>1.607.608.690</u>	<u>1.304.368.505</u>

4 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)
	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	Quảng Ninh	50,08%	50,08%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2020 của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu của công ty này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	4.378.500.000	-	6.481.750.000	-
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	-	4.156.554.600	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng Miền Bắc	1.501.830.000	-	446.600.000	-
Phải thu khách hàng khác	3.455.103.676	(315.383.308)	6.266.076.386	(347.383.308)
	13.255.873.276	(315.383.308)	17.350.980.986	(347.383.308)

b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	3.920.439.600	-	4.156.554.600	-
--	----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.025.059.399	-	1.037.504.500	-
Ký cược, ký quỹ	170.655.400	-	128.110.400	-
Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ năm 2017, 2018	381.434.389	-	381.434.389	-
Phải thu khác	85.393.000	-	1.229.142.211	-
	1.662.542.188	-	2.776.191.500	-

b) Dài hạn

Ký cược, ký quỹ	-	-	1.200.000.000	-
	-	-	1.200.000.000	-

c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	30.000.000	-	-	-
--	-------------------	----------	----------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	-	170.810.966	-
- Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	-	100.408.525	-
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	-	76.163.817	-
	315.383.308	-	347.383.308	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	109.933.994	-	31.971.084	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.900.000	-	10.433.637	-
	127.833.994	-	42.404.721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	608.800.000	17.171.208.314	212.276.000	653.744.000	18.646.028.314
Số dư cuối năm	608.800.000	17.171.208.314	212.276.000	653.744.000	18.646.028.314
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	256.105.425	15.870.539.801	212.276.000	102.806.522	16.441.727.748
- Khấu hao trong năm	59.292.754	597.758.320	-	163.436.000	820.487.074
Số dư cuối năm	315.398.179	16.468.298.121	212.276.000	266.242.522	17.262.214.822
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	352.694.575	1.300.668.513	-	550.937.478	2.204.300.566
Tại ngày cuối năm	293.401.821	702.910.193	-	387.501.478	1.383.813.492

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.770.977.092 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn đang còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 71.580.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
Số dư cuối năm	<u>33.623.389.808</u>	<u>2.807.546.980</u>	<u>36.430.936.788</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.723.130.183	477.880.336	6.201.010.519
- Khấu hao trong năm	715.391.273	59.735.042	775.126.315
Số dư cuối năm	<u>6.438.521.456</u>	<u>537.615.378</u>	<u>6.976.136.834</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	27.900.259.625	2.329.666.644	30.229.926.269
Tại ngày cuối năm	<u>27.184.868.352</u>	<u>2.269.931.602</u>	<u>29.454.799.954</u>

Toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất của khu đất có diện tích 2,3 hecta tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE326903 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2011. Thời hạn sử dụng đến ngày 31/08/2061.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	150.544.327	271.973.485
Chi phí bảo hiểm	129.148.104	138.081.733
Chi phí sửa chữa tài sản	185.361.461	149.292.325
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	40.499.003	65.880.247
	<u>505.552.895</u>	<u>625.227.790</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.715.316	24.024.335
Chi phí trả trước dài hạn khác	96.816.658	127.674.983
	<u>107.531.974</u>	<u>151.699.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Ban Quản lý dự án Hàng Hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	3.720.439.600	3.720.439.600	3.820.439.600	3.820.439.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch và Thương mại Thầm Gia	1.068.138.046	1.068.138.046	2.969.871.493	2.969.871.493
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.214.706.945	3.214.706.945	2.271.370.013	2.271.370.013
- Phải trả các đối tượng khác	2.290.257.024	2.290.257.024	6.081.047.047	6.081.047.047
	16.958.874.615	16.958.874.615	21.808.061.153	21.808.061.153
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	7.090.367.545	7.090.367.545	6.910.897.213	6.910.897.213

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	14.641.763	774.996.249	789.638.012	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	44.291.123	124.015.145	44.291.123	-	124.015.145
Thuế Thu nhập cá nhân	-	12.745.765	80.276.900	82.809.093	-	10.213.572
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	75.133.338	75.133.338	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.307.492	18.307.492	-	-
	-	71.678.651	1.075.729.124	1.013.179.058	-	134.228.717

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
		Đã điều chỉnh
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	428.256.660	428.256.660
- Chi phí phải trả khác	-	91.035.104
	428.256.660	519.291.764
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	15.595.589.962	16.023.846.622
	15.595.589.962	16.023.846.622

(*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
		Đã điều chỉnh
a) Ngắn hạn		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.776	1.660.948.776
	1.660.948.776	1.660.948.776
b) Dài hạn		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	41.455.104.864	43.116.053.644
	41.455.104.864	43.116.053.644

Toàn bộ số dư doanh thu chưa thực hiện tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 của Công ty đều là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng 2,3 ha đối với Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) - công ty liên doanh của Công ty.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	3.431.428	46.714.658
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.923.524	1.055.531.968
	144.979.952	1.241.871.626

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.628.219.476)	(28.574.483.380)
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(974.557.914)	(974.557.914)
Số dư cuối năm trước	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(408.602.777.390)</u>	<u>(29.549.041.294)</u>
Số dư đầu năm nay	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.602.777.390)	(29.549.041.294)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	642.027.799	642.027.799
Số dư cuối năm nay	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(407.960.749.591)</u>	<u>(28.907.013.495)</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
Các cổ đông khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	365.050.000.000	365.050.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>365.050.000.000</i>	<i>365.050.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>365.050.000.000</i>	<i>365.050.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức của năm 2008 phải trả đầu năm</i>	<i>139.625.000</i>	<i>139.625.000</i>
- <i>Cổ tức của năm 2008 còn phải trả cuối năm</i>	<i>139.625.000</i>	<i>139.625.000</i>
d) Cổ phiếu		
	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.505.000	36.505.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.505.000</i>	<i>36.505.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.505.000</i>	<i>36.505.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000
	2.503.736.096	2.503.736.096
19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty thuê tài sản là văn phòng, kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.626.560.000	5.359.680.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	8.880.000.000	-
	13.506.560.000	5.359.680.000
b) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	383,15	396,35
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ và hàng hải	44.214.099.758	57.441.813.449
Doanh thu cho thuê bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
	45.875.048.538	59.102.762.229
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	2.350.456.600	4.734.692.490
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ và hàng hải	39.874.739.156	53.860.116.095
Giá vốn cho thuê bất động sản	775.126.315	775.126.315
	<u>40.649.865.471</u>	<u>54.635.242.410</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.221.338	3.826.662
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	107.586.492	192.973.147
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	23.825	97.854
	<u>110.831.655</u>	<u>196.897.663</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.393.205	71.010.652
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.617.447	13.694.557
	<u>32.010.652</u>	<u>84.705.209</u>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.621.344	63.525.086
Chi phí nhân công	3.147.429.979	3.435.317.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	41.797.838
Thuế, phí, lệ phí	14.116.340	15.469.000
Hoàn nhập dự phòng	(32.000.000)	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.181.366	1.114.866.102
Chi phí khác bằng tiền	769.333.909	1.081.650.926
	<u>4.922.682.938</u>	<u>5.742.626.741</u>

25 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	362.869.212	362.869.212
Thu nhập từ công nợ không phải trả	20.580.273	-
Thu nhập khác	7.250.304	23.709.191
	<u>390.699.789</u>	<u>386.578.403</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	3.267.550	20.824.219
Chi phí khác	2.710.427	233.138
	<u>5.977.977</u>	<u>21.057.357</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(119.779.521)	(1.683.215.887)
Các khoản điều chỉnh tăng	152.402.673	232.146.957
- Chi phí không hợp lệ	152.377.977	232.024.311
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	24.696	122.646
Các khoản điều chỉnh giảm	(32.623.152)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(48.521)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(32.574.631)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(1.451.068.930)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	885.822.465	885.822.465
Thu nhập tính thuế TNDN	885.822.465	885.822.465
Chi phí thuế TNDN (thuế suất 20%)	177.164.493	177.164.492
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	53.149.348	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	124.015.145	177.164.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	44.291.123	44.291.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(44.291.123)	(177.164.492)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	124.015.145	44.291.123
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	124.015.145	177.164.492
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	124.015.145	44.291.123

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	642.027.799	(974.557.914)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	642.027.799	(974.557.914)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.505.000	36.505.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	(27)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.152.240.480	9.381.841.345
Chi phí nhân công	7.333.719.138	7.614.609.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.595.613.389	1.661.869.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.982.579.443	37.292.452.296
Chi phí khác bằng tiền	2.547.862.322	4.075.006.883
	45.612.014.772	60.025.780.230

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	1.607.608.690	-	1.304.368.505	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.918.415.464	(315.383.308)	21.327.172.486	(347.383.308)
	16.526.024.154	(315.383.308)	22.631.540.991	(347.383.308)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	17.103.854.567	23.049.932.779
Chi phí phải trả	16.023.846.622	16.543.138.386
	33.127.701.189	39.593.071.165

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền	1.607.608.690	-	-	1.607.608.690
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.603.032.156	-	-	14.603.032.156
	16.210.640.846	-	-	16.210.640.846
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền	1.304.368.505	-	-	1.304.368.505
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.779.789.178	1.200.000.000	-	20.979.789.178
	21.084.157.683	1.200.000.000	-	22.284.157.683

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.103.854.567	-	-	17.103.854.567
Chi phí phải trả	428.256.660	1.713.026.640	13.882.563.322	16.023.846.622
	17.532.111.227	1.713.026.640	13.882.563.322	33.127.701.189
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	23.049.932.779	-	-	23.049.932.779
Chi phí phải trả	519.291.764	1.713.026.640	14.310.819.982	16.543.138.386
	23.569.224.543	1.713.026.640	14.310.819.982	39.593.071.165

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ và hàng hải VND	Cho thuê bất động sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.214.099.758	1.660.948.780	45.875.048.538
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.339.360.602	885.822.465	5.225.183.067
Tài sản bộ phận trực tiếp	16.114.679.642	29.454.799.954	45.569.479.596
Tài sản không phân bổ	-	-	2.269.659.525
Tổng tài sản	16.114.679.642	29.454.799.954	47.839.139.121
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	16.958.874.615	43.240.068.785	60.198.943.400
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	16.547.209.216
Tổng nợ phải trả	16.958.874.615	43.240.068.785	76.746.152.616

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Công ty mẹ Ông Bùi Quang Đạo - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Tổng Giám đốc Công ty này
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua dịch vụ	8.992.118.568	6.803.005.365
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	577.716.364	815.681.183
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	-	108.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	8.414.402.204	5.879.324.182
Cung cấp dịch vụ	2.350.456.600	4.734.692.490
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	2.265.750.000	4.731.840.000
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	4.800.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	79.906.600	2.852.490

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.920.439.600	4.156.554.600
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	4.156.554.600
Phải thu ngắn hạn khác	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	30.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	7.090.367.545	6.910.897.213
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	155.221.000	819.087.600
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	3.720.439.600	3.820.439.600
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.214.706.945	2.271.370.013
Doanh thu chưa thực hiện	43.116.053.640	44.777.002.420
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	43.116.053.640	44.777.002.420

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	378.971.273	401.327.637
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	507.373.545	550.777.638

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂNSố 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng Cân đối kế toán				
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	91.035.104	519.291.764	428.256.660
Chi phí phải trả dài hạn	333	16.452.103.282	16.023.846.622	(428.256.660)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	1.660.948.776	1.660.948.776
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	44.777.002.420	43.116.053.644	(1.660.948.776)

Vũ Thị An
Người lậpĐỗ Vũ Linh
Kế toán trưởngPhạm Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2021

